

Phát triển kinh tế xanh ở Nhật Bản và bài học cho Việt Nam

Lưu Ngọc Trinh^(*)

Lê Đăng Minh^(**)

Tóm tắt: Bước vào thế kỷ XXI, Nhật Bản đã rất thành công trong quá trình chuyển nền kinh tế từ “Kinh tế Nâu” sang “Kinh tế Xanh” với đặc điểm chủ yếu là hàm lượng công nghệ cao, tiêu hao ít lao động và nguyên nhiên liệu hóa thạch, hạn chế khí thải carbon bằng các biện pháp kinh tế phù hợp. Từ quá trình chuyển đổi này, chúng ta có thể rút ra một số bài học cần lưu ý cho Việt Nam trong tiến trình xanh hóa nền kinh tế.

Từ khóa: Mô hình tăng trưởng, Nền kinh tế xanh, Tăng trưởng xanh, Nhật Bản, Việt Nam

Abstract: Entering the 21st century, Japan has been thriving in their transition process from a ‘brown’ to a ‘green’ economy characterized by high technology content, less labor and fossil fuels consumption, and limiting carbon emissions by appropriate economic measures. Such a transition model could provide several lessons for Vietnam in the process of greening the economy.

Keywords: Growth Model, Green Economy, Green Growth, Japan, Vietnam

Đặt vấn đề

Bằng việc ban hành và thực hiện *Chiến lược tăng trưởng mới* vào cuối năm 2009, Nhật Bản đã bước sang một giai đoạn mới có tính chất quyết định trong quá trình phát triển kinh tế xanh thay cho nền kinh tế nâu tồn tại suốt nhiều thập niên sau chiến tranh. Nhờ thực hiện chiến lược này với các chính sách và biện pháp quyết liệt và đúng đắn, Nhật Bản đã trở thành một trong những quốc gia đi đầu và thành công nhất trong việc xây dựng nền kinh tế xanh, nền kinh

tế carbon thấp. Trên cơ sở trình bày các nguyên nhân chủ yếu, phân tích quá trình chuyển đổi này cùng các biện pháp chính sách chủ yếu, bài viết rút ra một số bài học cần lưu ý cho Việt Nam trong tiến trình xanh hóa nền kinh tế đang còn rất nhiều vấn đề.

1. Quá trình chuyển đổi sang mô hình phát triển kinh tế xanh ở Nhật Bản

Cho đến cuối những năm 1980, “thần kỳ kinh tế Nhật Bản” là kết quả của việc phát triển theo mô hình bao gồm chủ yếu là các ngành công nghiệp, với công nghiệp nặng và hóa chất là chủ yếu, các ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng chưa cao. Mô hình kinh tế này - được gọi là nền kinh tế nâu - có đặc

(*) PGS.TS., Viện Kinh tế và Chính trị thế giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: ltrinh57@gmail.com

(**) TS., Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

trung là bao gồm những ngành, những máy móc thiết bị có trình độ khoa học, công nghệ thấp và trung bình, thâm dụng lao động, tiêu hao nhiều nguyên nhiên liệu rắn, không thể tái tạo, và gây ô nhiễm môi trường. Mô hình này rất phù hợp và phát huy được tác dụng trong hoàn cảnh kinh tế, chính trị và xã hội trong và ngoài nước Nhật Bản khoảng hơn 3 thập niên sau Chiến tranh thế giới thứ Hai. Đó là: (i) lực lượng lao động còn trẻ, dư thừa và rất cần việc làm; (ii) dưới sự thao túng của các công ty độc quyền Anh, Mỹ, nên thị trường nguyên vật liệu và năng lượng thế giới rất dễ nhập khẩu với giá rẻ; (iii) trước sức ép phải tăng trưởng nhanh để cải thiện đời sống nhân dân sau chiến tranh và đuổi kịp các nước Âu, Mỹ, nên nhu cầu và đòi hỏi phải có môi trường sống xanh, sạch chưa bức thiết. Và trên thực tế, mô hình phát triển này đã góp phần đáng kể đưa Nhật Bản từ một nước bị tàn phá nặng nề trong Chiến tranh thế giới thứ Hai trở thành một siêu cường kinh tế thứ hai thế giới sau Mỹ từ giữa những năm 1960.

Tuy vậy, từ cuối những năm 1980, đầu những năm 1990: (i) Dân số Nhật Bản bắt đầu già đi nhanh chóng, khiến chi phí lao động dưới tác động của chế độ làm việc suốt đời trở nên cao tới mức khó có thể chấp nhận, làm suy yếu sức cạnh tranh của các doanh nghiệp và sản phẩm Nhật Bản; (ii) Nguyên nhiên liệu, đặc biệt là dầu mỏ và khí đốt, không những khó nhập khẩu mà còn trở nên ngày càng khan hiếm và đắt đỏ, đã đặt nền kinh tế Nhật Bản vốn phụ thuộc nặng nề vào nguồn cung cấp từ bên ngoài vào tình trạng dễ bị tổn thương hơn bao giờ hết; (iii) Tình trạng sử dụng các nguyên nhiên liệu hóa thạch, không thể tái tạo và phát thải khí nhà kính cao đã khiến cho nước Nhật bị ô nhiễm đến mức không thể chịu nổi, và chịu sự phản đối kịch liệt

của dư luận cả trong lẫn ngoài nước; (iv) Nhật Bản đứng thứ 2 trong danh sách những nước tiêu dùng nhiều năng lượng hóa thạch nhất trên thế giới, nên trong bối cảnh giá năng lượng tăng, việc chuyển đổi sang cơ cấu các ngành công nghiệp ít sử dụng tài nguyên là bắt buộc, điều đó làm cho tăng trưởng xanh trở nên cấp thiết để tăng cường sức bật cho nền kinh tế nhằm đối phó với những biến động khó lường về giá năng lượng, lương thực cũng như tài nguyên thiên nhiên; (v) Tình trạng biến đổi khí hậu toàn cầu ngày càng nghiêm trọng, mà một trong những nước góp phần đáng kể làm trầm trọng thêm tình trạng đó là Nhật Bản, cũng buộc dư luận thế giới lên tiếng đòi hỏi Nhật Bản phải có những cải cách căn bản để hạn chế lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính.

Đứng trước hoàn cảnh như vậy, không có cách nào khác, từ cuối những năm 1980, đầu những năm 1990, Nhật Bản phải tiến hành chuyển đổi mô hình kinh tế, từ mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế cũ với những đặc điểm chủ yếu như trên sang mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế mới. Những đặc điểm chủ yếu của mô hình tăng trưởng mới có thể kể đến như sau: (i) Chuyển dần từ cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ - nông, lâm ngư nghiệp sang cơ cấu kinh tế dịch vụ - công nghiệp - nông lâm ngư nghiệp; (ii) Sử dụng các thiết bị máy móc, quy trình sản xuất tiên tiến và công nghệ ngày càng hiện đại và đạt hiệu quả cao; (iii) Cơ cấu kinh tế bao gồm những ngành, những công nghệ sử dụng ít lao động, tiêu hao ít nguyên nhiên liệu, hạn chế phát thải gây hiệu ứng nhà kính, không gây ô nhiễm môi trường; (iv) Hạn chế sử dụng nguyên nhiên liệu rắn, không thể tái tạo, mà sử dụng ngày càng nhiều nguyên nhiên liệu và năng lượng mới và năng lượng tái tạo.

Cùng với một cơ cấu kinh tế như vậy, Nhật Bản cũng tiến hành đổi mới mô hình sản phẩm, mô hình tiêu dùng và lối sống theo hướng xanh, sạch và bền vững hơn.

Mục đích của quá trình chuyển đổi trên là nhằm xây dựng một nền kinh tế xanh, một xã hội xanh, thích ứng với những đòi hỏi của hoàn cảnh mới, với tình trạng biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng.

2. Những biện pháp, chính sách chủ yếu để phát triển kinh tế xanh ở Nhật Bản

- **Nâng cao nhận thức** của cả các nhà hoạch định chính sách, các doanh nghiệp và mỗi người dân về mức độ và hậu quả nghiêm trọng của biến đổi khí hậu, của ô nhiễm môi trường, về tầm quan trọng của tăng trưởng xanh, nền kinh tế xanh và phát triển bền vững. Điều này được thực hiện bằng việc ban hành, tuyên truyền rộng rãi và thực thi nghiêm túc các luật, quy định về môi trường. Đồng thời, từ cuối những năm 1990, Nhật Bản đã đưa các kiến thức về biến đổi khí hậu, những vấn đề về môi trường và tăng trưởng xanh vào chương trình giảng dạy tại các nhà trường ngay từ bậc tiểu học cũng như các sinh hoạt cộng đồng tại các khu dân cư, công sở và doanh nghiệp (bằng cách tổ chức các buổi thuyết trình của các chuyên gia, phát tờ rơi, băng rôn, khẩu hiệu, tổ chức hội thảo, các cuộc thi, thành lập các “Hội xanh”, “Hội bảo vệ động vật” và thay đổi một số thói quen trong sinh hoạt như việc dùng đũa một lần,...).

- **Chuyển đổi cơ cấu kinh tế bằng cách đầu tư mạnh để nâng dần tỷ trọng các ngành dịch vụ** (như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, văn hóa, du lịch, tư vấn, giáo dục và nghiên cứu khoa học,...) và giảm dần tỷ trọng các ngành công nghiệp, xây dựng và nông, lâm, ngư nghiệp. Kết quả là, cơ cấu kinh tế của Nhật Bản đã biến đổi như sau: Tỷ trọng của các ngành nông, lâm, ngư

ng nghiệp trong GDP đã giảm từ 3,7% (1978) xuống 1,5% (2000) và 1,0% (2017 ước tính); tỷ trọng của các ngành công nghiệp (gồm khai khoáng, chế biến, chế tạo, sản xuất năng lượng và xây dựng) đã giảm từ 36,5% (1978) xuống 31,2% (2000) và 29,7% (2017 ước tính); trong khi các con số tương ứng của các ngành dịch vụ (gồm các hoạt động của Chính phủ, thông tin liên lạc, vận tải, tài chính, và tất cả các hoạt động kinh tế tư nhân khác không sản xuất ra hàng hóa vật chất) biến đổi theo chiều ngược lại như sau: 59,8% (1978), 67,5% (2000) và 69,3% (2017 ước tính)^(*).

Trong công nghiệp, xác định các ngành, các công nghệ xanh cần được ưu tiên đầu tư xây dựng, mở rộng và phát triển, còn những ngành, những công nghệ và thiết bị máy móc có hiệu quả sử dụng nguyên nhiên liệu thấp, gây ô nhiễm môi trường cần thu hẹp, dịch chuyển và thay thế.

Từ cuối những năm 1980, đầu những năm 1990, những ngành công nghiệp và công nghệ như tin học, công nghệ sinh học, công nghệ nano,... được coi là những ngành và công nghệ mũi nhọn và đã được hưởng những khoản đầu tư lớn với tỷ lệ ngày càng cao. Trong khi đó, những ngành như luyện kim, đóng tàu, ô tô, hóa chất, dệt may,... được coi là những ngành tiêu hao nhiều lao động và nguyên nhiên liệu, phát thải lớn, gây ô nhiễm môi trường đã được thu hẹp và chuyển dần sang các nước trong khu vực như Trung Quốc và Đông Nam Á - nơi còn nhiều tài nguyên thiên nhiên, lao động và luật bảo vệ môi trường còn lỏng lẻo. Ở trong nước, những ngành này chỉ giữ lại những khâu, những quy trình sản xuất và những công nghệ có hiệu quả tiêu dùng nguyên

(*) Xem: https://www.indexmundi.com/japan/gdp_composition_by_sector.html và Asahi Shimbun, *Japan Almanac 2001*, p. 81.

liệu và năng lượng cao, hoặc có thể sử dụng các loại nguyên liệu và năng lượng tái sinh, thải ít carbon. Đồng thời, cơ cấu sản phẩm cũng có chuyển biến theo hướng cho ra đời những sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường như ô tô hybrid, ô tô sử dụng năng lượng sinh học, ô tô chạy điện, tủ lạnh và điều hòa không sử dụng các loại khí nhân tạo nguy hiểm đối với sức khỏe con người và khí quyển trái đất. Trong nông nghiệp, tập trung đầu tư xây dựng các vùng nông nghiệp công nghệ cao, nghiên cứu và nuôi trồng các loại giống mới có năng suất và chất lượng cao, chịu được sâu bệnh và biến đổi khí hậu, hạn chế sử dụng phân bón hóa học vô cơ và thuốc bảo vệ thực vật độc hại.

- Tích cực đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và triển khai (R&D)

Theo Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), hiện nay với tỷ lệ 3,4% GDP, chiếm 17% tổng chi cho R&D của khối các nước OECD^(*), Nhật Bản là nước có tỷ lệ đầu tư cao nhất cho R&D trong số các nước G7. Về nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, tỷ lệ lên tới 10,2 người/1.000 dân chuyên làm nghiên cứu. Mục tiêu phấn đấu của Nhật Bản là đưa tổng chi tiêu (cả công lẫn tư) cho R&D đạt 4,0% GDP, trong đó phần của Chính phủ đạt ít nhất 1,0% GDP. Năm 2010, Nhật Bản đã đầu tư 17,25 ngàn tỷ Yên, năm 2013 là 17,33 ngàn tỷ Yên và năm 2016 là 18,94 ngàn tỷ Yên cho các hoạt động R&D^(**). Việc đầu tư lớn cho R&D đã trở thành một trong những hướng ưu tiên trong *Chiến lược phục hưng đất nước* của Thủ tướng Shinzo Abe đề ra từ năm 2013, nhằm đưa Nhật Bản trở thành “một nước

thân thiện nhất với đổi mới, sáng tạo và phát triển bền vững”. Những lĩnh vực được ưu tiên trong hoạt động R&D của Nhật Bản là năng lượng (tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái sử dụng, tái chế, năng lượng mới,...), vấn đề môi trường, trí tuệ nhân tạo, kết nối vạn vật, công nghệ sinh học, vật liệu mới và các loại giống mới,...^(*).

Với sự khuyến khích của Nhà nước, các công ty tư nhân Nhật Bản trong mọi ngành đều tích cực đầu tư cho R&D để đổi mới công nghệ, vận dụng các phương pháp sản xuất hiện đại nhằm tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, tái chế chất thải rắn, cho ra các sản phẩm mới tiện lợi, có hiệu quả sử dụng nguyên nhiên liệu cao. Hiện nay, các doanh nghiệp tư nhân chiếm tới gần 80% tổng chi tiêu cho R&D toàn Nhật Bản^(**).

Ngoài những nỗ lực của Chính phủ, ngành công nghiệp ô tô và điện tử, 2 trong số những ngành công nghiệp hàng đầu Nhật Bản có sản phẩm tràn ngập thế giới, cũng đang đi đầu trong việc sản xuất những sản phẩm thân thiện với môi trường để giúp nền kinh tế nước này trở nên “xanh” hơn. Tập đoàn điện tử Toshiba đã yêu cầu các nhà máy và phòng thí nghiệm giảm 25% lượng khí CO₂ từ năm 1990 đến 2011. Trong khi đó, tập đoàn điện tử khổng lồ Fujitsu cũng đặt mục tiêu giảm bớt việc sử dụng điện, dầu và khí tiêu thụ từ năm 2003. Trong khi đó, Toyota Motor có ý định trở thành hãng xe hơi đầu tiên trên thế giới sử dụng chất dẻo sinh học để chế tạo một số bộ phận xe hơi. Toyota và đối thủ cạnh tranh Honda cũng là 2 trong số những hãng xe đầu tiên chế tạo xe hơi pin nhiên liệu chạy

(*) Xem: <https://www.ft.com/content/b27eacf0-12d5-11de-9848-0000779fd2ac>

(**) Xem: <https://www.statista.com/statistics/613735/japan-research-and-development-expenditures/>.

(*) Xem: <http://www.theworldfolio.com/news/rd-japans-intangible-asset/4152/>

(**) Xem: <https://asia.nikkei.com/Business/R-D-budgets-in-Japan-soaring-to-record-breaking-levels>

bằng hydrogen và methanol và chỉ thải ra hơi nước. Theo thống kê, hiện Nhật Bản đã có khoảng 292.000 phương tiện giao thông chạy bằng khí thiên nhiên.

- Cũng giống với nhiều quốc gia có nền kinh tế phát triển trên thế giới, **Nhật Bản ưu tiên sử dụng các giải pháp kinh tế trong hoạt động bảo vệ, giữ gìn môi trường và xây dựng nền kinh tế xanh.** Trong số đó, thuế và tài chính được coi là giải pháp hiệu quả nhất và được áp dụng thống nhất, linh hoạt ở Nhật Bản để thúc đẩy các doanh nghiệp có ý thức và tích cực đầu tư cho tăng trưởng xanh.

Để thực hiện một xã hội phát thải carbon thấp, Nhật Bản đề ra mục tiêu cắt giảm phát thải khí nhà kính rất cao. Cụ thể, tới năm 2020 giảm 25% (cao hơn con số 18-21% của Mỹ năm 2025 và 24% của EU năm 2030) và tới năm 2050 giảm 80% so với mức năm 1990. Xác định 90% lượng phát thải khí nhà kính ở Nhật Bản là khí carbon dioxide (CO₂) đến từ việc sử dụng năng lượng của cả khu vực sản xuất lẫn tiêu dùng, nên để có thể giảm mạnh được lượng phát thải gây hiệu ứng nhà kính ở Nhật Bản, điều cốt lõi là phải tăng cường các biện pháp kiểm soát khí thải CO₂ có liên quan đến năng lượng trong cả trung và dài hạn.

+ Ngay từ giữa những năm 1970, đặc biệt từ sau khủng hoảng dầu mỏ lần thứ nhất năm 1973, Nhật Bản đã có nhiều biện pháp khuyến khích các hãng xe chế tạo các loại xe tiết kiệm nhiên liệu và áp dụng thuế nhiên liệu đối với ô tô để hạn chế lượng xe lưu thông, đặc biệt là xe chạy trong đô thị. Kết quả là hàng loạt loại xe ô tô cỡ nhỏ nhưng tiết kiệm nhiên liệu của Nhật Bản đã ra đời, mở ra một kỷ nguyên mới, trong đó các loại xe cỡ nhỏ tiêu hao ít nhiên liệu thống trị thị trường ô tô thế giới.

Cuối những năm 1980, trước tác động của cuộc khủng hoảng dầu mỏ lần thứ hai, Nhật Bản đã tiến hành dán nhãn sinh thái cho một số loại hàng tiêu dùng, điều đó đã được người mua ủng hộ và Nhật Bản đã dần trở thành hình mẫu về nhãn hàng sinh thái trên thế giới.

Bước vào thế kỷ XXI, Nhật Bản đã đẩy mạnh tăng trưởng xanh bằng việc ban hành và thực hiện *Chiến lược tăng trưởng mới* vào tháng 12/2009 và sửa đổi vào tháng 6/2010. Một trong những giải pháp căn bản để thực hiện chương trình này là Nhật Bản đã ban hành và thực thi các đạo luật thuế mới và cải cách các đạo luật thuế cũ theo hướng “xanh hóa”. Cụ thể, Nhật Bản đã ban hành thuế môi trường vào năm 2012 và đẩy mạnh thực hiện xúc tiến chương trình “chất lượng” xanh. Theo đó, Nhật Bản tiến hành thu thuế carbon đối với các sản phẩm dầu thô và các sản phẩm hóa dầu, than đá và mức thu này tăng dần từ năm 2012 đến nay. Thuế carbon được thu ở Tokyo đối với xăng là 1,9 Yên/lít, dầu diesel là 2,1 Yên/lít. Đối với hộ gia đình ở khu vực đô thị, mức đóng thuế carbon là 100 Yên/tháng.

Trong giao thông, Nhật Bản cũng đã áp dụng thuế giao thông xanh, theo đó các loại phương tiện khác nhau, công nghệ khác nhau sẽ có mức thuế khác nhau. Mức đóng thuế thấp nhất dành cho các phương tiện giao thông xanh như tàu điện, xe điện hoặc các phương tiện tiết kiệm năng lượng.

Đối với đồ gia dụng, Nhật Bản thu phí tái chế đồ gia dụng. Phí này đã được Chính phủ nghiên cứu và điều chỉnh phù hợp. Tháng 11/2008, phí tái chế điều hòa, tivi, tủ lạnh,... được hạ thấp giúp tăng cường việc thu gom đồ gia dụng, giảm bớt gánh nặng cho người tiêu dùng.

Để giảm thiểu chất thải rắn và tái sử dụng các chi tiết, linh kiện ô tô, Nhật

Bản tiến hành thu phí tái chế. Từ tháng 1/2005 đến tháng 3/2009, có 92,77 triệu ô tô phải nộp phí tái chế với tổng trị giá lên tới 912,1 tỷ Yên (Dẫn theo: Đạt Quốc/daibieunhandan.vn, 2018).

Khác với các đạo luật thuế trước đây chủ yếu hướng tới “phạt nặng” các cơ sở gây ô nhiễm, thì ngày nay, các đạo luật thuế mới chú trọng hơn tới khuyến khích phát triển ngành công nghiệp tái chế chất thải, phát triển các loại nhiên liệu thay thế, hoặc tái sử dụng chất thải, bảo vệ và khai thác nước sạch,... Chẳng hạn, đạo luật “Khuyến khích các cơ sở tái chế chất thải” cho phép giảm thuế tối đa đối với tài sản cố định, hàng hóa do các doanh nghiệp tái chế chất thải sản xuất; giảm thuế và gia hạn thời gian ưu đãi thuế cho các doanh nghiệp xử lý nước thải công nghiệp; tăng thuế suất đối với các chủ sở hữu ô tô cũ, hoặc ưu đãi thuế cho các chủ sở hữu ô tô sử dụng công nghệ cao để giảm thiểu ô nhiễm; kéo dài thời hạn áp dụng giảm thuế bất động sản và thuế văn phòng đối với doanh nghiệp sử dụng phương tiện xử lý chất thải,... Đạo luật này đã khuyến khích người dân và các doanh nghiệp tăng cường đầu tư xây dựng các xí nghiệp tái chế chất thải rắn, đầu tư cho các thiết bị và công nghệ xử lý nước thải công nghiệp.

+ Các giải pháp kinh tế, nhất là các đạo luật thuế, được vận dụng linh hoạt theo điều kiện kinh tế.

Việc đóng thuế được giao cho các cơ quan thuế và chính quyền địa phương giám sát và thực thi, trong khi đó, tiền phí, thuế bảo vệ môi trường được sử dụng đúng mục đích và được thông báo một cách công khai, minh bạch và có thể được các cơ quan độc lập kiểm soát. Việc đóng thuế và phí khá đơn giản, thông qua các tài khoản ngân hàng cá nhân hoặc có thể đóng trực tiếp cho cơ quan quản lý mọi lúc mọi nơi.

Do đó, các loại thuế, phí này được người dân, doanh nghiệp hưởng ứng và đóng đầy đủ, bởi theo họ, điều này thể hiện một phần trách nhiệm với môi trường chung.

Khó khăn đặt ra đối với các doanh nghiệp khi thực hiện thuế môi trường cũng như các chỉ tiêu chất lượng xanh là sản phẩm của họ thường có giá thành cao. Đặc biệt, trong bối cảnh nền kinh tế Nhật Bản trải qua hơn hai thập niên mất mát, một số doanh nghiệp có ý trì hoãn thời gian đóng thuế cũng như xem xét lại phương án sản xuất. Khi sử dụng nguồn rác thải tái chế thành nguyên liệu đầu vào, các sản phẩm thường đạt được chất lượng không cao so với dùng nguyên liệu tinh; và nếu tách được hết các tạp chất làm nguyên liệu đầu vào của rác tái chế thường nảy sinh chi phí lớn dẫn đến giá thành tăng cao, do vậy sẽ khó hấp dẫn người tiêu dùng. Để khắc phục khó khăn này, Chính phủ Nhật Bản đã có nhiều biện pháp khuyến khích tuyên truyền vận động người tiêu dùng, đồng thời có ưu đãi thích hợp đối với các doanh nghiệp. Trong một số trường hợp đặc biệt, để phục hồi kinh tế, hỗ trợ doanh nghiệp trong lúc khó khăn, Chính phủ sẽ tạm ngừng việc đóng thuế môi trường và đương nhiên động thái này được các doanh nghiệp tán thành.

- Khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng mới trong cơ cấu tiêu dùng năng lượng

Sau thảm họa “kép” động đất và sóng thần vào tháng 3/2011 khiến Nhà máy Điện hạt nhân Fukushima-I bị rò rỉ gây ra thảm họa môi trường, Chính phủ Nhật Bản đã nghiên cứu, điều chỉnh và hoàn thiện toàn bộ các chính sách về năng lượng theo hướng giảm bớt tình trạng lệ thuộc vào các loại năng lượng hóa thạch, phát thải carbon cao. Cụ thể, Nhật Bản đã gia tăng các biện pháp khuyến khích tiết kiệm năng lượng, giảm

bớt các loại năng lượng hóa thạch, thúc đẩy sản xuất và sử dụng các loại năng lượng mới, năng lượng thay thế, năng lượng tái tạo, năng lượng hạt nhân, khuyến khích các công trình xây dựng xanh và giao thông công cộng, mang lại sức sống mới cho lâm nghiệp,... Các biện pháp này thể hiện tập trung trong “Kế hoạch hành động cho một xã hội carbon thấp” đề ra năm 2008. Theo Kế hoạch, phấn đấu tới năm 2020, tăng tỷ phần năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp lên mức 10%. Ngoài các biện pháp như “xanh hóa” hệ thống thuế nói chung, bao gồm cả xem xét cơ chế thuế đối với các biện pháp giảm âm lên toàn cầu, từ tài khóa 2011, các biện pháp cơ bản để đạt các mục tiêu trên là thực hiện hệ thống trao đổi quyền phát thải như thiết lập cơ chế buôn bán quyền phát thải trong nước, khuyến khích các hoạt động nghiên cứu tìm và chuyển sang các loại năng lượng mới, áp dụng mức giá điện khuyến khích đối với mọi loại năng lượng tái tạo và năng lượng mới, loại bỏ các khoản trợ cấp nhiên liệu hóa thạch,... Để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào năng lượng sạch, các doanh nghiệp sẽ được hỗ trợ một phần đáng kể kinh phí trong 5 năm khi đầu tư vào lĩnh vực năng lượng gió, năng lượng mặt trời và các nguồn năng lượng tái tạo khác.

Kết quả là: Nhật Bản đã đứng đầu thế giới trong việc sử dụng năng lượng mặt trời, ngay từ năm 2004, đã sản xuất hơn 51% pin năng lượng mặt trời của thế giới. Trong số này, hãng Sharp đứng đầu trong năm thứ 5 liên tiếp với 27% sản lượng pin năng lượng mặt trời, theo sau là hãng Kyocera. “Cuộc cách mạng xanh” ở Nhật Bản đang được cộng đồng quốc tế chú ý. Phát biểu tại một diễn đàn về phát triển bền vững dành cho các doanh nghiệp Pháp - Nhật vào cuối tháng 3/2005 ở Tokyo, ông Thierry

Desmarest, Tổng giám đốc Tập đoàn Dầu Total (Pháp), thừa nhận Nhật Bản đang đi đầu trong các nước công nghiệp về vấn đề tiết kiệm và sử dụng hiệu quả năng lượng (Phương Võ, 2005).

- Khuyến khích mua sắm công các sản phẩm xanh

Nhằm nêu gương và thúc đẩy việc mua sắm các hàng hóa và dịch vụ thân thiện với môi trường, năm 2011, Chính phủ Nhật Bản đã ban hành Luật Khuyến khích mua sắm công xanh. Theo đó, tất cả các cơ quan chính phủ các cấp đều phải thực hiện mua sắm hàng hóa xanh theo đúng kế hoạch mua sắm thường niên các sản phẩm sinh thái đã được lập và báo cáo trước cho Bộ Môi trường. Các hàng hóa và dịch vụ thân thiện với môi trường này đã được xác định trong Khung chương trình mua sắm xanh ở cấp độ quốc gia, trong đó có các tiêu chí đánh giá cho 246 chủng loại sản phẩm và dịch vụ, bao gồm cả vật liệu và thiết bị được sử dụng trong các công trình công cộng. Để tăng cường hiệu quả của chính sách mua sắm công xanh, Chính phủ đảm bảo rằng các thủ tục đấu thầu được minh bạch, cạnh tranh, thuận tiện và không phân biệt giữa các nhà cung ứng tiềm năng. Kết quả là, thị phần của các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường được sử dụng rộng rãi trong nền hành chính công đã tăng đáng kể, và có tới hơn 90% các sản phẩm và dịch vụ mua sắm của các cơ quan ở trung ương đều đã đáp ứng được các tiêu chuẩn cần thiết về môi trường. Để quản lý hệ thống chứng nhận sản phẩm môi trường, Hiệp hội Môi trường Nhật Bản (JEA), dưới sự bảo trợ của Bộ Môi trường Nhật Bản, đã tiến hành đánh giá và cấp Nhân sinh thái (EM) cho các sản phẩm có tác động tới môi trường thấp hơn so với các sản phẩm tương tự xét trên toàn bộ vòng đời của chúng, từ lúc khai thác

nguyên liệu cho tới khâu xử lý. Các nhà sản xuất có sản phẩm được trao EM sẽ phải đóng một khoản phí thường niên tỷ lệ thuận với doanh số bán hàng của họ. Kết quả là, hiện nay, thị phần của các sản phẩm có nhãn EM đã tăng lên đáng kể và đã góp phần làm giảm bớt phát thải khí CO₂, lượng tiêu thụ tài nguyên và tăng tỷ lệ chất thải được xử lý (Kim Ngọc và Trần Minh Nghĩa, 2016).

- Xây dựng mô hình thành phố thông minh, đô thị xanh và sinh thái

Thành phố thông minh mà Nhật Bản hướng tới có thể bao gồm các yếu tố sau: con người làm trung tâm, tập trung vào từng cá nhân bao gồm cả phụ nữ, thanh niên và người cao tuổi cũng như tạo ra các ngành công nghiệp nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống; thành phố xanh (carbon thấp) với công nghệ môi trường tiên tiến như năng lượng tái tạo, tòa nhà tái sinh, công nghệ tiết kiệm năng lượng; thành phố thông minh được trang bị cơ sở hạ tầng cơ bản thông minh như mạng lưới giao thông thông minh (ITC); thành phố chống lại thiên tai và biến đổi khí hậu.

Tokyo là thành phố đầu tiên thực hiện Chiến lược phát triển thành phố xanh, thân thiện với môi trường thông qua việc kêu gọi giảm lượng khí nhà kính - 30% vào năm 2020 và 80% vào năm 2050, giảm phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch, tập trung vào công nghiệp và thương mại - 2 ngành chiếm một nửa tổng lượng phát thải của thành phố. Để đạt mục tiêu, chính quyền Tokyo đã thiết lập “Trung tâm xây dựng thành phố giảm thiểu carbon” và xây dựng “Đô thị xanh”, đồng thời triển khai một số dự án, chương trình điển hình như: Chiến lược sử dụng các công nghệ tiết kiệm năng lượng; Đô thị sử dụng tối đa hóa năng lượng tái tạo; Xây dựng hệ thống giao thông bền vững; Phát triển các công nghệ môi trường

mới và tạo lập lĩnh vực kinh doanh về môi trường,... Các chính sách về môi trường của Tokyo thể hiện quyết tâm đem lại một môi trường trong sạch và an toàn cho người dân thành phố, góp phần bảo vệ môi trường song hành cùng tăng trưởng kinh tế.

Bên cạnh Tokyo, Fujisawa (thuộc tỉnh Kanagawa) cũng được lựa chọn xây dựng theo mô hình thành phố thông minh, với hạ tầng vật chất và xã hội chuẩn. Toàn bộ hệ thống hạ tầng của thành phố thiết kế theo hướng tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường. Theo đó, 1.000 ngôi nhà sinh thái được xây dựng độc lập, sử dụng năng lượng mặt trời và lưu trữ sử dụng pin tại nhà. Quá trình chuyển tải điện sẽ được tích hợp và chia sẻ giữa các nguồn trong cộng đồng. Trung tâm điều khiển sẽ hiển thị tình trạng thực tế sử dụng năng lượng của toàn thành phố để kiểm soát, theo dõi và quản lý hiệu quả năng lượng sử dụng. Thiết kế cho phép năng lượng sẽ “tắt” khỏi lưới điện trung tâm trong trường hợp có thiên tai. Hệ thống truyền thông liên kết với từng hộ gia đình và mỗi thiết bị gia dụng sẽ quản lý năng lượng cần thiết của từng hộ gia đình dựa trên các hệ thống pin quản lý phụ tải. Bên cạnh đó, thay vì sử dụng những chiếc xe chạy bằng dầu hay xăng, người dân nơi đây sử dụng ô tô điện và xe đạp điện (Thanh Hà, 2018).

- Các chính sách xã hội

Khác với việc chỉ chú trọng đến việc bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và phát triển công nghệ khi xây dựng nền kinh tế xanh trước đây, từ những năm 2010 đến nay, trong Chiến lược tăng trưởng mới, Nhật Bản đã coi trọng hơn các yếu tố xã hội và con người.

Một là, để nâng cao sức khỏe của người dân, Nhật Bản đã thông qua chính sách đổi mới cuộc sống bằng các biện pháp, như đề cao hoạt động R&D trong lĩnh vực được

phẩm và y tế; nhân rộng mô hình nhà ở tình thương cho người khuyết tật và người già; tăng cường và nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc y tế và điều dưỡng.

Hai là, thực hiện chiến lược khuyến khích du lịch hướng về đất nước và phục hồi địa phương nhằm tới năm 2020: tăng số lượng du khách nước ngoài tới Nhật Bản lên 25 triệu người/năm, với doanh thu khoảng 10 nghìn tỷ Yên và tạo ra 560 nghìn việc làm; hồi sinh và mang lại sức sống cho các khu đô thị và dân cư thưa thớt; nhân đôi thị trường nhà ở hiện có, giảm tỷ lệ các nhà ở không đủ khả năng chống động đất xuống còn 5%. Để đạt được điều đó, Nhật Bản đã thi hành các chính sách như: nới lỏng tiêu chuẩn về visa cho các công dân châu Á; tăng thời gian nghỉ được trả lương ở các công ty, doanh nghiệp; nâng cao chất lượng các nhà ở hiện có để có thể chống chịu được động đất (Kim Ngọc và Trần Minh Nghĩa, 2016).

Đồng thời, Nhật Bản cũng đầu tư mạnh vào việc phát triển cơ sở hạ tầng để có thể khắc phục được những rào cản từ tự nhiên và nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ môi trường, năng lượng và giao thông vận tải ở cả các vùng nội thành và ngoại ô. Đầu tư công được ưu tiên cho các khu vực có mật độ dân số và mức thu nhập thấp. Ngoài ra, Nhật Bản còn áp dụng một số biện pháp khác, như tăng tiền lương tối thiểu, rút ngắn thời gian làm việc và tăng thời gian nghỉ được trả lương; mở rộng các dịch vụ chăm sóc trẻ em; cải thiện chất lượng giáo dục và môi trường xã hội để đảm bảo an toàn cho trẻ em.

3. Bài học cho Việt Nam

Mặc dù đã đạt được những thành tựu quan trọng, nhưng nếu xét từ khía cạnh môi trường, nền kinh tế Việt Nam cho đến nay chủ yếu phát triển theo mô hình “kinh tế nâu”, tăng trưởng chủ yếu dựa vào khai

thác tài nguyên với hiệu quả thấp, phát sinh nhiều chất thải, gây ô nhiễm môi trường, công nghệ sản xuất còn lạc hậu,... Quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa sẽ càng làm tài nguyên thiên nhiên suy giảm, lượng phát thải CO₂ tăng lên. Trong khi đó, theo dự đoán của nhiều tổ chức quốc tế, mức phát thải khí CO₂ sẽ tăng từ hơn 113 triệu tấn trong năm 2010 lên tới gần 471 triệu tấn vào năm 2030 (Dẫn theo: Thành Lê, 2016). Trong bối cảnh đó, rõ ràng Việt Nam cần phải có các biện pháp chuyển đổi mô hình tăng trưởng trong tình hình biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng. Hướng chuyển dịch sang mô hình nền “kinh tế xanh” là phương án lựa chọn tối ưu cho sự phát triển bền vững và xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam.

Từ thực trạng áp dụng các biện pháp phát triển kinh tế và tăng trưởng xanh của Nhật Bản và Việt Nam thời gian qua, để thúc đẩy tăng trưởng xanh, Việt Nam cần lưu ý một số điểm chủ yếu sau:

Trước hết, do nền “kinh tế xanh” cũng như “tăng trưởng xanh” còn hết sức mới mẻ, nên nhận thức về chúng ở Việt Nam hiện vẫn chưa đầy đủ, không thống nhất và nhất quán, điều đó dễ khiến cho việc hoạch định và thực thi chủ trương, chiến lược và chính sách về kinh tế xanh dễ bị lệch lạc, kém hiệu quả. Do đó, để khắc phục tình trạng này, đòi hỏi phải có những nghiên cứu kỹ và phổ biến rộng rãi kiến thức trong tầng lớp lãnh đạo, các nhà hoạch định chính sách, các doanh nghiệp và đông đảo người dân để nâng cao nhận thức của toàn xã hội về biến đổi khí hậu, về phát triển bền vững, về nền kinh tế xanh và tăng trưởng xanh. Việc tuyên truyền và phổ biến rộng rãi các kiến thức này cần được tiến hành một cách thường xuyên, linh hoạt cả trên các phương tiện thông tin đại chúng lẫn trong nhà trường, công sở và cộng đồng dân cư bằng các hình thức khác nhau.

Mục đích nhằm tạo được sự hiểu biết đầy đủ, thống nhất, nhất quán, và sự quyết tâm và đồng thuận cao trong xã hội về kinh tế xanh và tăng trưởng xanh cũng như cung cách thực hiện chúng.

Thứ hai, công nghệ sản xuất ở Việt Nam hiện nay chủ yếu vẫn là công nghệ cũ, lạc hậu, tiêu hao nhiều năng lượng, nên cần phải thay đổi công nghệ mới cho phù hợp với nền kinh tế xanh. Do đó, cơ chế chính sách cần tập trung tạo điều kiện thuận lợi cho đổi mới mô hình tăng trưởng, trọng tâm là cơ cấu lại ngành nghề, kiên quyết ưu tiên phát triển các ngành có công nghệ cao, thân thiện môi trường, kiên quyết nói không với các công nghệ thấp và máy móc thiết bị lạc hậu; Sử dụng tiết kiệm năng lượng và tài nguyên; Phát thải khí carbon thấp, không gây ô nhiễm môi trường; Phục hồi tài nguyên và hệ sinh thái rừng; Phát triển nông nghiệp xanh và bền vững.

Thứ ba, chú trọng đầu tư cho R&D, nhất là các lĩnh vực, ngành nghề có liên quan đến “Nền kinh tế xanh” như năng lượng tái tạo, công nghệ sản xuất tiết kiệm tài nguyên, tiêu hao ít năng lượng, công nghệ giảm thiểu phát thải khí nhà kính; Hạn chế tối đa gây ô nhiễm môi trường; Phục hồi hệ sinh thái tự nhiên; Công nghệ sinh học; Công nghệ vật liệu mới; Trí tuệ nhân tạo; Kết nối vạn vật;...

Thứ tư, đổi mới quy hoạch sử dụng đất cho phát triển đô thị, phát triển giao thông, khu công nghiệp, khu chế xuất, các công trình phúc lợi xã hội theo hướng dành quỹ đất đủ cho phát triển cây xanh, hồ nước và các công trình hạ tầng kỹ thuật môi trường theo quy định tiêu chuẩn quốc tế.

Thứ năm, cải tổ và áp dụng các công cụ thị trường theo hướng xanh hóa (thuế xanh, ngân sách xanh). Hiện nay, Việt Nam đã có thuế bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên,

Nghị định thu phí nước thải, Nghị định chi trả dịch vụ môi trường, Nghị định bồi hoàn thiệt hại môi trường,... Tuy nhiên, những văn bản này còn có nhiều bất cập và chồng chéo, nhất là Luật Thuế bảo vệ môi trường và Thuế tài nguyên. Cho nên, cần cải cách lại hệ thống thuế tài nguyên và xem xét lại thuế môi trường theo hướng khuyến khích tiết kiệm và sử dụng hiệu quả tài nguyên, nhất là tài nguyên quý hiếm, bảo vệ môi trường. Đối với thuế tài nguyên, nên áp dụng mức thuế suất cao hơn nữa đối với loại tài nguyên dạng thô, thuế suất thấp hơn đối với tài nguyên dạng tinh hoặc đã chế biến. Thêm vào đó, để khuyến khích doanh nghiệp triển khai các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, Việt Nam cần lựa chọn căn cứ tính mức phí bảo vệ môi trường một cách đầy đủ hơn, đảm bảo mức phí này phải cao hơn chi phí vận hành hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường. Đồng thời, cần xây dựng những chính sách ưu đãi, nhất là ưu đãi về thuế, phí, cho vay tài chính phù hợp nhằm khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ theo hướng công nghệ xanh, việc làm xanh, tạo ra thế mạnh trong cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ vốn chiếm đa số trong nền kinh tế Việt Nam. Mặt khác, cùng với khuyến khích, Việt Nam cũng cần xem xét áp dụng những chế tài xử phạt thích đáng đối với những hành vi vi phạm quy định bảo vệ môi trường.

Thứ sáu, xây dựng chương trình cấp nhân môi trường nhằm nâng cao nhận thức, đồng thời, cung cấp các thông tin tin cậy và hướng dẫn người tiêu dùng trong việc lựa chọn sản phẩm ít tác động hơn đối với môi trường, khuyến khích các nhà sản xuất cung cấp các sản phẩm thân thiện với môi trường, giảm các tác động có hại tới môi trường do sản xuất, sử dụng, tiêu thụ và thải

bỏ sản phẩm gây ra; nâng cao chất lượng môi trường và khuyến khích quản lý bền vững các tài nguyên thiên nhiên.

Thứ bảy, chuyển đổi sang nền kinh tế xanh cần phải tăng cường năng lực cho bộ máy nhà nước ở các cấp về các kỹ năng phân tích thách thức, xác định cơ hội, đặt ưu tiên cho các hoạt động, huy động nguồn lực, thực hiện chính sách và đánh giá tiến độ. Hơn nữa, cũng phải có kế hoạch đào tạo cán bộ trong bộ máy hành chính về kinh tế xanh, tăng trưởng xanh vì phát triển bền vững ở mọi cấp, từ Trung ương đến địa phương, đặc biệt là những phương pháp đo lường tiến bộ và đánh giá tài sản tự nhiên của nền kinh tế xanh quốc gia. Hạch toán Xanh (Green Accounting) hay Hạch toán Tài sản toàn diện (Inclusive Wealth Accounting) là những công cụ đã có trên thế giới, Việt Nam cần tiếp cận sớm.

Thứ tám, đối với chỉ tiêu kinh tế vĩ mô, cần có sự đổi mới, xem xét lại và hoàn thiện chỉ tiêu GDP xanh, cải tiến Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) phản ánh đủ các chỉ tiêu tính toán môi trường trong hạch toán cân đối tài khoản quốc gia.

Thứ chín, tích cực hợp tác quốc tế nhằm học hỏi những kinh nghiệm hay nỗ lực xây dựng nền kinh tế xanh. Việc chủ động tiếp thu, học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia khác để đưa ra những định hướng, chính sách phù hợp là những việc cần thiết cho Việt Nam. Ngoài ra, tăng cường hợp tác quốc tế còn giúp huy động các nguồn lực hỗ trợ của quốc tế, nhất là nguồn vốn đầu tư 2% GDP toàn cầu cho phát triển kinh tế xanh □

Tài liệu tham khảo

1. Thanh Hà (2018), “Nhật Bản hướng đến nền kinh tế xanh, tăng trưởng bền vững”, *Tạp chí Môi trường*, số Chuyên đề Tăng trưởng xanh năm 2018, <http://tapchimoitruong.vn/pages/article.aspx?item=Nh%E1%BA%ADt-B%E1%BA%A3n-h%C6%B0%E1%BB%9Bng-%C4%91%E1%BA%BFn-n%E1%BB%81n-kinh-t%E1%BA%BF-xanh,-t%C4%83ng-tr%C6%B0%E1%BB%9Fng-b%E1%BB%81n-v%E1%BB%AFng-49047>
2. Thành Lê (2016), *Tăng trưởng xanh để chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường*, <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/PrintStory.aspx?distribution=38154&print=true>
3. Kim Ngọc và Trần Minh Nghĩa (2016), “Phát triển kinh tế xanh ở Nhật Bản và hàm chính sách cho Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 3 (100).
4. Đạt Quốc/daibieunhandan.vn (2018), *Giải pháp kinh tế để bảo vệ môi trường của Nhật Bản: Khuyến khích bằng thuế*, <http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-quoc-te/nhan-dinh-du-bao/giai-phap-kinh-te-de-bao-ve-moi-truong-cua-nhat-ban-khuyen-khich-bang-thue-138803.html>
5. Phương Võ (2005), *Cuộc “cách mạng xanh” ở Nhật Bản*, <https://nld.com.vn/thoi-su-quoc-te/cuoc-cach-mang-xanh-o-nhat-ban-116167.htm>, cập nhật ngày 17/4/2005.